

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tĩnh;

2. Bà Trịnh Thị Lệ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 169/2022/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2022, về việc: “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐSTHNGĐ ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 60/2, Trịnh Hoài Đức, Phường 2, thành phố M, tỉnh TG (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*);

- Bị đơn: Ông Mai Đăng Qu, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 89, ấp Bình Trung 1, xã Nh, thành phố T, tỉnh L (*vắng mặt không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, bà Nguyễn Ngọc N, như sau:

Do quen biết nên bà và ông Mai Đăng Qu tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND Phường 2, thành phố M, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn

ngày 01/11/2021. Sau khi cưới vợ chồng sống qua lại giữa hai bên gia đình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về vấn đề tài chính trong gia đình, tính tình ông Q cọc cằn. Từ nguyên nhân này dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cự cãi. Vợ chồng đã ly thân từ năm 04/2022 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Mai Đăng Qu.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Mai Tấn Phú, sinh ngày 05/12/2021. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn, ông Mai Đăng Qu, trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian cưới nhau, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và thời điểm vợ chồng ly thân. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ và gia đình bên vợ hiểu lầm ông và do ông đi làm ăn xa nên không có thời gian bên cạnh để chăm sóc vợ con nên vợ chồng có xảy ra Nều cự cãi.

Nay bà Nguyễn Ngọc N yêu cầu ly hôn ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con, ông mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Mai Tấn Phú, sinh ngày 05/12/2021. Nếu ly hôn, ông đồng ý để bà N nuôi con và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Do nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Ngọc N yêu cầu ly hôn với ông Mai Đăng Qu. Do ông Q đang cư trú tại xã Nh, thành phố T, tỉnh L nên đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Mai Đăng Qu đã được Tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc N và ông Mai Đăng Qu chung sống vợ chồng từ năm 2021, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2021 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố M, tỉnh TG, từ đó có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Q là hôn nhân hợp pháp, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Bà N yêu cầu được ly hôn với ông Q vì cho rằng do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về vấn đề tài chính trong gia đình, tính tình ông Q cộc cằn. Ngược lại, ông Q không đồng ý ly hôn vì cho rằng nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ và gia đình bên vợ hiểu lầm ông và do ông đi làm ăn xa nên không có thời gian bên cạnh để chăm sóc vợ con nên vợ chồng có xảy ra Nều cự cãi. Xét thấy, bà N và ông Q không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2022 cho đến nay, từ khi vợ chồng không còn chung sống ông Q không đến gặp bà N để vợ chồng cùng tìm ra tiếng nói chung nhằm giải quyết mâu thuẫn, ông Q không đồng ý ly hôn nhưng lại không đưa ra phương cách để giúp vợ chồng quay về đoàn tụ, xây dựng lại hạnh phúc gia đình. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Q vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Điều này chứng minh ông Q không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông Q đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N yêu cầu được ly hôn là có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà N và ông Q xác định 01 con chung tên Mai Tấn Phú, sinh ngày 05/12/2021. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con chung và ông Q cũng đồng ý để bà N nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc N và ông Mai Đăng Qu xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 227, 228, 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56; 57, 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Ngọc N được ly hôn với ông Mai Đăng Qu.

2/ Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Ngọc N được nuôi con chung tên Mai Tấn Phú, sinh ngày 05/12/2021. Ông Mai Đăng Qu không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001654, ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh L. Bà N đã thi hành xong án phí.

4/ Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND Tp T;
- CC THA DS Tp T;
- UBND Phường 2, Tp M,
tỉnh TG;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự.
- Lưu./.

Trần Tuấn Phan